

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm: 1991 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 30/1, tổ 1, ấp A, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 25, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị N và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 09-12-2019. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh L có mối quan hệ không trong sáng bên ngoài. Chị N nhiều lần khuyên can thì vợ chồng lại cãi nhau và do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tự sống ly thân từ tháng 8-2021 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh thì hiện nay anh L đang cư trú tại tổ 25, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn đối với anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị N yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với anh L được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị N, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh L vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì. Theo kết quả xác minh trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã ly thân một thời gian dài nhưng không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó anh L cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên chị N yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Không có.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N về việc “Ly hôn” đối với anh Phạm Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L.
- Về con chung và cấp dưỡng: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008890 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn P, huyện X (số 186, ngày 19-12-2019;
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức